

Số: 35/BC-THLVT

Quận Lê Chân, ngày 26 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN **Năm 2025**

I. THÔNG TIN CHUNG²

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Tiểu học Lê Văn Tám

2. Địa chỉ trụ sở chính: Số 64 Chợ Con, phường Hàng Kênh, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng - Điện thoại: 0225.3847589.

Trang điện tử: <https://thlevantam.haiphong.edu.vn>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục: Công lập.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

* **Sứ mạng:** Tạo dựng môi trường học tập có nề nếp, kỷ cương, chất lượng cao. Mỗi học sinh đều có cơ hội để phát triển khả năng sáng tạo của bản thân. Học sinh tích cực học tập, chăm ngoan, lễ phép, hòa thuận với bạn bè; có khả năng thích ứng với sự phát triển của xã hội và trở thành những công dân tốt.

* **Tầm nhìn:** Phân đầu là một trường chuẩn mực và năng động, có uy tín giáo dục đối với cha mẹ học sinh, cộng đồng xã hội. Học sinh được phát triển trong môi trường thân thiện, hiện đại. Là nơi đào tạo học sinh thành những con người sống có trách nhiệm, lòng nhân ái, hoà nhập tốt với cộng đồng và luôn có khát vọng vươn lên.

* **Mục tiêu:** Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, là mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của địa phương, đất nước và thời đại; từng bước phân đầu xây dựng trường chuẩn Quốc gia mức độ 2.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục:

Trường Phổ thông Cơ sở Lê Văn Tám được thành lập từ tháng 6/1985.

Đến năm 1998, theo Quyết định số 84 QĐ/UB ngày 03/02/1998 của UBND quận Lê Chân đổi tên trường Phổ thông Cơ sở Lê Văn Tám thành trường Tiểu học Lê Văn Tám. Trải qua gần 40 năm phát triển, Nhà trường có một bề dày thành tích, đáp ứng mục tiêu giáo dục và phát triển dân trí, là địa chỉ đáng tin cậy của nhân dân trên địa bàn. Năm học 2014 - 2015, trường vinh dự được UBND Thành phố công nhận là Trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ I; Năm 2014, nhà

trường được công nhận Kiểm định chất lượng mức độ 3 cấp Thành phố.

Trải qua quá trình xây dựng và phát triển, từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 nhà trường liên tục đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến, "Tập thể Lao động Xuất sắc". Chi bộ được Đảng bộ công nhận trong sạch vững mạnh tiêu biểu. Công đoàn, Đội thiếu niên vững mạnh xuất sắc. Nhiều cán bộ, giáo viên nhà trường đã được UBND thành phố Hải Phòng, Sở GD&ĐT Hải Phòng, UBND quận Lê Chân... tặng nhiều bằng khen, giấy khen trong các năm học. Giáo viên tích cực tham gia các cuộc thi giáo viên giỏi cấp quận, thành phố, có nhiều sáng kiến ứng dụng vào thực tế giảng dạy. Phổ cập giáo dục tiểu học đạt mức độ 3, 100% trẻ 6 tuổi vào học lớp 1. Chuyển đổi số được PGD&ĐT quận Lê Chân công nhận đạt mức độ 3.

Quy mô trường lớp và số lượng học sinh ngày càng tăng. Chất lượng giáo dục toàn diện được duy trì, nhiều học sinh đạt các giải về các môn: Thể dục, vẽ tranh, Tiếng Anh, sơn ca, dẫn chương trình, cây đàn tuổi thơ, sáng tạo thanh thiếu nhi,... cấp quận, cấp thành phố, quốc gia. Phát huy điểm mạnh, trong những năm năm học gần đây trường Tiểu học Lê Văn Tám đã trở thành địa chỉ tin cậy của nhân dân khi gửi gắm con em mình vào trường.

Trường có diện tích khuôn viên rộng rãi, khang trang với tổng diện tích khuôn viên là 5983m², diện tích sân chơi rộng 3589 m². Nhà trường có 30/30 phòng học và có đủ khối phòng phục vụ học tập, khối phòng hành chính quản trị, có nhà vệ sinh, nhà để xe riêng cho giáo viên và học sinh. 100% học sinh được học 2 buổi/ngày. Tổ chức cho học sinh ăn bán trú từ lớp 1 đến lớp 5. Đội ngũ giáo viên tâm huyết, nhiệt tình với nghề, luôn tận tụy, tìm tòi, tự học, tự nghiên cứu, đổi mới phương pháp giảng dạy thực hiện tốt Chương trình GDPT 2018 (Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4, lớp 5). Được sự quan tâm giúp đỡ của các cấp lãnh đạo và của Đảng uỷ, chính quyền, nhân dân địa phương, sự chỉ đạo sát sao của phòng GD&ĐT quận Lê Chân, đặc biệt là sự nỗ lực cố gắng, khắc phục khó khăn phấn đấu vươn lên của tập thể, cán bộ giáo viên và các thế hệ học sinh, nhà trường đã phát triển không ngừng về mọi mặt, luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp giáo dục của địa phương.

Tính đến thời điểm hiện nay, nhà trường có 53 CBQL, GV, NV (trong đó 03 cán bộ quản lý, 47 giáo viên, 03 nhân viên). 92.5% (49/53) cán bộ, giáo viên, nhân viên đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn, trong đó trình độ thạc sỹ là 11.3%

(06/53); trình độ đại học là 88.7% (47/53); 60.3% cán bộ, giáo viên, nhân viên là đảng viên (32/53); 100% CBGVNV có chứng chỉ A,B tin học và ngoại ngữ. Tỷ lệ giáo viên đạt 1,7 GV/lớp, nhà trường có đủ giáo viên chuyên dạy các môn: Âm nhạc, Mỹ thuật, Tiếng Anh, Thể dục, Tin học.

Tại thời điểm báo cáo, nhà trường có 1005 HS được chia thành 27 lớp. Trong đó: khối 1: 165 em/4 lớp; khối 2: 186 em/5 lớp; khối 3: 169 em/6 lớp; khối 4: 233 em/6 lớp; khối 5: 252 em/7 lớp; bình quân học sinh 37 em/lớp. 1005/1005 học sinh học 2 buổi/ngày (đạt 100%).

Trong những năm học vừa qua, chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường luôn được giữ vững và ổn định. Năm học 2024-2025 có 62 giải trong các cuộc thi Quốc gia, thành phố và quận với thể mạnh là các giải về thi đấu TDTT, vẽ tranh, Toán qua mạng... Nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm sáng tạo, qua đó phát hiện học sinh có năng khiếu, bồi dưỡng nhân tài, rèn kỹ năng sống, giúp học sinh học tập một cách tích cực, chủ động, sáng tạo và phát triển toàn diện. Nhà trường phối hợp với các tổ chức đoàn thể của địa phương để thực hiện tốt mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học, huy động trẻ trong độ tuổi đi học ra lớp đạt tỉ lệ cao. Nhà trường có nhiều giải pháp hỗ trợ trẻ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ khuyết tật được tới trường học tập, không có học sinh bỏ học. Chất lượng giáo dục của nhà trường luôn được khẳng định ở vị trí tốp đầu của quận.

Trong những năm qua, nguồn tài chính đảm bảo cho nhà trường hoạt động thường xuyên gồm: Nguồn ngân sách nhà nước cấp như lương, phụ cấp theo lương được chi trả theo đúng quy định của Nhà nước về quản lý tài chính, đảm bảo chi trả đầy đủ, kịp thời hàng tháng cho người lao động. Căn cứ vào kinh phí được cấp cho từng năm, nhà trường xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ; sử dụng có hiệu quả, đúng mục đích, tiết kiệm. Việc lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính được nhà trường thực hiện theo đúng chế độ kế toán, tài chính của Nhà nước; mỗi học kỳ, nhà trường đều công khai tài chính cho toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong cuộc họp hội đồng sư phạm nhà trường, niêm yết trên bảng tin, có sự giám sát của Hội đồng trường, Công đoàn và Ban thanh tra nhân dân.

Nhà trường có đầy đủ hệ thống văn bản pháp quy về giáo dục và đào tạo. Hằng năm, căn cứ Chỉ thị nhiệm vụ năm học, Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ

năm học của sở GD&ĐT Hải Phòng, phòng GD&ĐT thành phố, tình hình thực tế của địa phương, của nhà trường, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch giáo dục và tổ chức thực hiện kế hoạch có hiệu quả, hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học. Trong từng năm học, nhà trường luôn thực hiện nghiêm túc Quy chế chuyên môn, quan tâm chú trọng các hoạt động chuyên môn như: Tổ chức các chuyên đề về đổi mới phương pháp dạy học; tổ chức hội giảng cấp trường và dự thi các cấp; dự giờ, thăm lớp; thực hiện tốt công tác kiểm tra nội bộ trường học. Cuối mỗi năm học, cán bộ, giáo viên, nhân viên đều tham gia viết sáng kiến về các hoạt động quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ. Đặc biệt, nhà trường đã thực hiện tốt công tác bồi dưỡng học sinh năng khiếu, góp phần vào sự phát triển chung của ngành GD&ĐT quận Lê Chân.

Nhiều cán bộ, giáo viên nhà trường đã được UBND thành phố Hải Phòng, Sở GD&ĐT Hải Phòng, UBND quận Lê Chân... tặng nhiều bằng khen, giấy khen.

Phát huy truyền thống và kết quả đã đạt được trong những năm học qua, mục tiêu phấn đấu của nhà trường hiện nay là: Tiếp tục duy trì giữ vững trường tiểu học đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1, kiểm định chất lượng giáo dục đạt Cấp độ 3, từng bước nâng cao hơn phấn đấu xây dựng trường chuẩn Quốc gia mức độ 2 trong những năm tới.

6. Thông tin người đại diện pháp luật:

Họ và tên: Nguyễn Thị Minh Khoa - Chức vụ: Hiệu trưởng - Số điện thoại: 0976358888

Địa chỉ Email: khoataolvt@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập: Quyết định số 84/QĐ-UB ngày 03/02/1998 của UBND quận Lê Chân đổi tên trường Phổ thông Cơ sở Lê Văn Tám thành trường Tiểu học Lê Văn Tám.

b) Quyết định kiện toàn Hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường: Quyết định kiện toàn Hội đồng trường nhiệm kỳ 2021- 2026: Số 567/QĐ-UBND ngày 03/03/2025 của Chủ tịch UBND quận Lê Chân kí.

Cơ cấu:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Hội đồng trường
1	Bà Nguyễn Thị Minh Khoa	Bí thư Chi bộ - Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng
2	Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Chủ tịch Công đoàn	Phó Chủ tịch
3	Ông Lê Văn Vững	Phó Hiệu trưởng	Thành viên
4	Bà Trần Thị Thanh Vân	Phó Hiệu trưởng	Thành viên
5	Bà Nguyễn Thị Hải Tú	Giáo viên, Tổ trưởng CM	Thành viên
6	Bà Lê Thị Huyền	Giáo viên, Tổ trưởng CM	Thành viên
7	Bà Vũ Thị Phương Vân	Giáo viên, Tổ trưởng CM	Thành viên
8	Bà Phạm Thị Hà Mi	Giáo viên, Bí thư Đoàn TNCSHCM	Thành viên
9	Bà Trịnh Thị Hào	Nhân viên Văn thư	Thư ký
10	Bà Dương Thị Thúy Nga	Công chức Tư pháp phương Hàng Kênh	Thành viên
11	Ông Lê Quang Anh	Trưởng Ban đại diện cha mẹ học sinh	Thành viên

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng;

- Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng: Nguyễn Thị Minh Khoa: Quyết định số 3156/QĐ-UBND quận ngày 01/11/2017 của UBND quận Lê Chân về việc bổ nhiệm có thời hạn Hiệu trưởng; Quyết định số 2558/QĐ-UBND quận ngày 31/10/2023 của UBND quận Lê Chân về việc bổ nhiệm lại chức vụ Hiệu trưởng;

- Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận phó hiệu trưởng: Lê Văn Vững: Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 01/02/2018 của UBND quận Lê Chân về việc điều động và bổ nhiệm có thời hạn Phó Hiệu trưởng trường TH Lê Văn Tám;

- Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận phó hiệu trưởng: Trần Thị Thanh Vân: Quyết định số 292/QĐ-UBND ngày 01/02/2018 của UBND quận Lê Chân về việc điều động và bổ nhiệm có thời hạn Phó Hiệu trưởng trường TH Lê Văn Tám.

d) Cơ cấu, quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

* Cơ cấu: Căn cứ Điều 9 Điều lệ trường tiểu học ban hành kèm theo Thông tư 28/2020/TT-BGDĐT quy định cơ cấu tổ chức của trường tiểu học công lập gồm:

- Hội đồng trường;
- Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng;
- Hội đồng thi đua khen thưởng;
- Hội đồng kỉ luật;
- Hội đồng tư vấn;
- Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Tổ chức Công đoàn;
- Tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;
- Tổ chức Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh;
- Các tổ chuyên môn;
- Tổ văn phòng;
- Lớp học sinh.

* Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường: Theo Quyết định số 61/QĐ-THLVT ngày 11/10/2024 của Hiệu trưởng Trường Tiểu học Lê Văn Tám.

* Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục: Nhiệm vụ và quyền hạn của trường tiểu học được quy định tại Điều 3 Điều lệ ban hành kèm theo Thông tư 28/2020/TT-BGDĐT, cụ thể như sau:

- Công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục; tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Thực hiện giáo dục bắt buộc, phổ cập giáo dục và xóa mù chữ tại địa bàn. Huy động trẻ em đi học đúng độ tuổi, vận động và tạo điều kiện cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đến trường. Nhận bảo trợ và quản lý các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo sự phân công của cấp có thẩm quyền.

- Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

- Triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; thực hiện lựa chọn sách giáo khoa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; triển khai thực hiện sách giáo khoa và nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố, thực

hiện tự chủ chuyên môn trong tổ chức các hoạt động giáo dục tại trường tiểu học.

- Thực hiện tự kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng giáo dục theo quy định.

- Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

- Quản lý và sử dụng đất, tài chính và tài sản của nhà trường theo quy định của pháp luật.

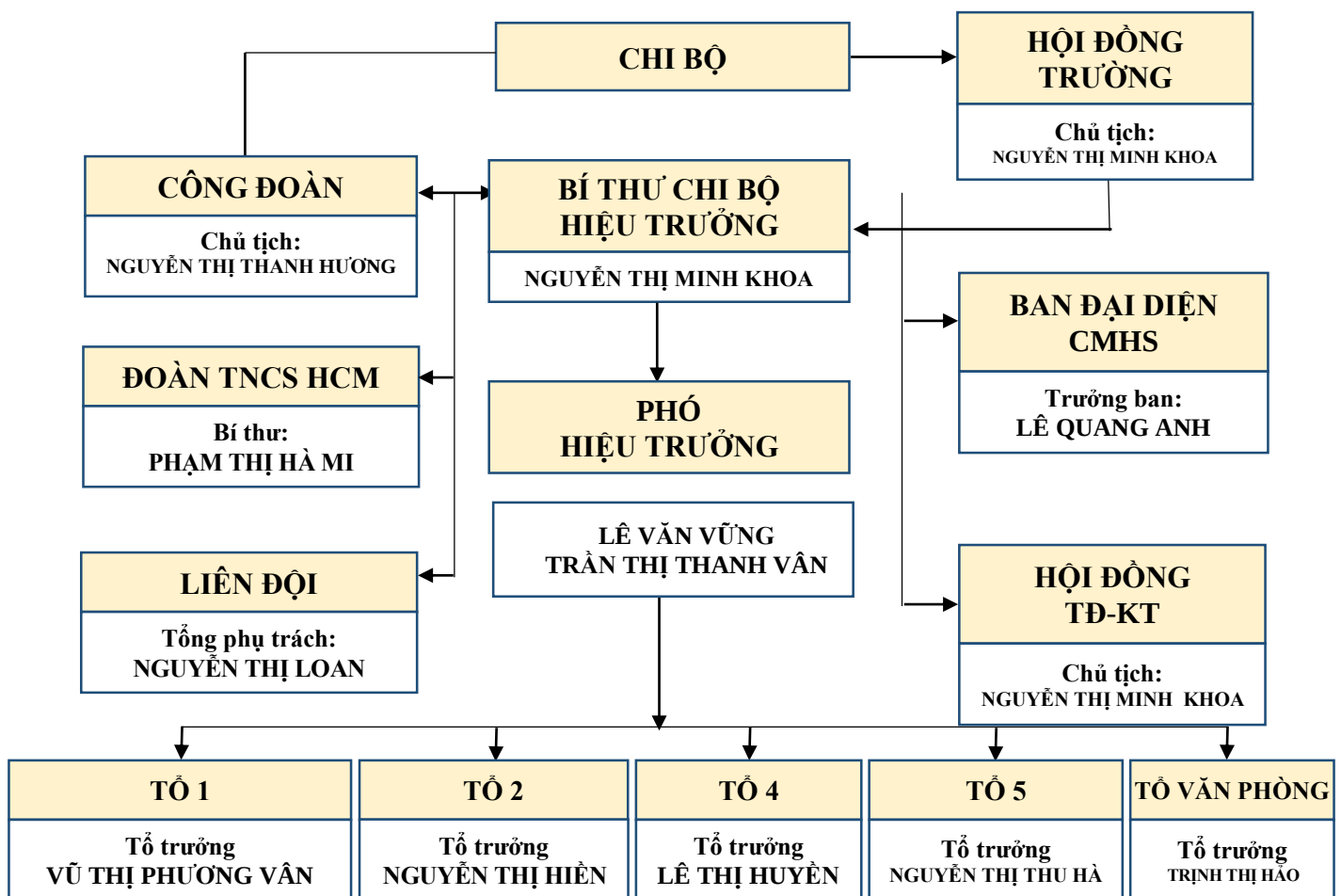
- Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ hoặc người giám hộ học sinh, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng thực hiện các hoạt động giáo dục. Tổ chức cho giáo viên, người lao động và học sinh tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương.

- Xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục trong nhà trường, tham gia xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục ở địa phương.

- Được tiếp nhận các khoản tài trợ, viện trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với nhà trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

* Sơ đồ tổ chức bộ máy của nhà trường:



d) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên: Không.

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo đơn vị:

- Hiệu trưởng: Nguyễn Thị Minh Khoa - Số điện thoại: 0976358888; Địa chỉ Email: khoataolvt@gmail.com

- Phó Hiệu trưởng: Lê Văn Vững - Số điện thoại: 0906187639; Địa chỉ Email: levanvung76@gmail.com

- Phó Hiệu trưởng: Trần Thị Thanh Vân - Số điện thoại: 0825795668; Địa chỉ email: thanhvan133@gmail.com.

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

- Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục;
- Quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục;
- Các nghị quyết của Hội đồng trường;
- Quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN³

1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo.

- Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên (không tính lao công, bảo vệ): 53 người. Trong đó:

- *Cán bộ quản lý*: + Số lượng: 03; Đủ

+ Trình độ: 03 Thạc sĩ

- *Giáo viên*: 47

Tổng số GV	Biên chế		Hợp đồng		Thừa/thiếu/đủ (Ghi rõ thừa, thiếu GV bộ môn nào)	Ghi chú
	Chuẩn và trên chuẩn	Trên chuẩn	Chuẩn và trên chuẩn	Trên chuẩn		
47	43	2	02	0	Đủ cơ cấu giáo viên.	

- *Nhân viên*: 03: 01 Kế toán, 01 Văn thư, 01 Thư viện-thiết bị;

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định: Tổng số CB, GV tự đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp: 47 giáo viên.

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định đạt 100%.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT⁴

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Tổng diện tích	Diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh;	Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;
5983m ²	6m ² / học sinh	6,04m ²

b) Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Hạng mục	Số lượng	Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định
Khối phòng hành chính quản trị	a) Phòng Hiệu trưởng: có phòng làm việc và đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành; b) Phòng Phó Hiệu trưởng: có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành; c) Văn phòng: bảo đảm có 01 phòng; có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành; d) Phòng bảo vệ: bảo đảm có 01 phòng; đặt ở gần lối ra vào của trường, có vị trí quan sát thuận lợi; e) Khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên: bố trí theo các khối phòng chức năng, phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt; số lượng thiết bị: đối với nam 01 chậu tiểu/15 người, 01 chậu xí/20 người, 01 chậu rửa tay/04 chậu	a) Phòng Hiệu trưởng: có phòng làm việc và đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành; b) Phòng Phó Hiệu trưởng: có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành; c) Văn phòng: bảo đảm có 01 phòng; có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành; d) Phòng bảo vệ: bảo đảm có 01 phòng; đặt ở gần lối ra vào của trường, có vị trí quan sát thuận lợi; e) Khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên: bố trí theo các khối phòng chức năng, phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt; số lượng thiết bị: đối với nam 01 chậu tiểu/05 người, 01 chậu xí/05 người, 01 chậu rửa tay/01 chậu xí; đối với nữ 01 chậu xí/13 người, 01 chậu rửa

Hạng mục	Số lượng	Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định
	xí nhưng không được ít hơn 01; đối với nữ 01 chậu xí/15 người, 01 chậu rửa tay/02 chậu xí nhưng không được ít hơn 01. Trường hợp khu vệ sinh riêng biệt cần đặt ở vị trí thuận tiện cho sử dụng, không làm ảnh hưởng môi trường; g) Khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên: có mái che và đủ chỗ cho giáo viên, cán bộ, nhân viên của trường.	tay/03 chậu xí. g) Khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên: có mái che và đủ chỗ cho giáo viên, cán bộ, nhân viên của trường.
Khối phòng học tập	a) Phòng học: bảo đảm mỗi lớp có một phòng học riêng; có thể sử dụng làm nơi nghỉ trưa cho học sinh (nếu có); được trang bị đầy đủ: Bàn, ghế học sinh đúng quy cách và đủ chỗ ngồi cho học sinh; bàn, ghế giáo viên; bảng lớp; hệ thống đèn và hệ thống quạt; hệ thống tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học; b) Phòng học bộ môn Tin học: có tối thiểu 01 phòng; c) Phòng học bộ môn Ngoại ngữ: Có tối thiểu 01 phòng	a) Phòng học: bảo đảm mỗi lớp có một phòng học riêng; sử dụng làm nơi nghỉ trưa cho học sinh ; được trang bị đầy đủ: Bàn, ghế học sinh đúng quy cách và đủ chỗ ngồi cho học sinh; bàn, ghế giáo viên; bảng lớp; hệ thống đèn và hệ thống quạt; hệ thống tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học; b) Phòng học bộ môn Âm nhạc: 01 phòng; Mỹ thuật: có 01 phòng; Phòng học bộ môn Tin học: có 02 phòng; c) Phòng học bộ môn Ngoại ngữ: 02 phòng. e) Phòng đa chức năng: Chưa có.
Khối phòng hỗ trợ học tập	a) Thư viện: mỗi trường có tối thiểu 01 thư viện, mỗi điểm trường có tủ sách dùng chung; thư viện tối thiểu có các khu chức năng: kho sách, khu quản lý (nơi làm việc của nhân viên thư viện), khu đọc sách dành riêng cho giáo viên và học sinh; b) Phòng thiết bị giáo dục: có tối thiểu 01 phòng; có đầy đủ giá, tủ	a) Thư viện: Nhà trường có 02 thư viện (01 phòng đọc của giáo viên, 01 phòng đọc của học sinh); mỗi lớp có tủ sách dùng chung; thư viện tối thiểu có các khu chức năng: kho sách, khu quản lý (nơi làm việc của nhân viên thư viện), khu đọc sách dành riêng cho giáo viên và học sinh; b) Phòng thiết bị giáo dục: có 01

Hạng mục	Số lượng	Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định
		phòng; có đầy đủ giá, tủ để đựng và bảo quản thiết bị dạy học của toàn trường; c) Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập: bảo đảm có 01 phòng, bố trí ở tầng 1; d) Phòng truyền thống: bảo đảm có 01 phòng; trang bị đầy đủ các thiết bị; e) Phòng Đội Thiếu niên: bảo đảm có 01 phòng; trang bị đầy đủ các thiết bị; có thể kết hợp với phòng truyền thống.
Khối phụ trợ	a) Phòng họp: bảo đảm có 01 phòng, trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định hiện hành; sử dụng làm nơi sinh hoạt chung và làm việc của giáo viên ngoài giờ dạy; b) Phòng Y tế trường học: bảo đảm có 01 phòng; có tủ thuốc với các loại thuốc thiết yếu, dụng cụ sơ cứu, giường bệnh; c) Nhà kho: bảo đảm có 01 phòng; nơi để dụng cụ chung và học phẩm của trường; d) Khu để xe học sinh: có mái che; bố trí khu vực để xe cho học sinh khuyết tật gần lối ra/vào; e) Khu vệ sinh học sinh: bố trí theo các khối phòng chức năng, phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt, bảo đảm cho học sinh khuyết tật tiếp cận sử dụng; số lượng thiết bị: đối với nam 01 tiểu nam, 01 xí và 01 chậu rửa cho 30 học sinh (trường hợp làm máng tiểu bảo đảm chiều dài máng 0,6m cho 30 học sinh), có tường/vách ngăn giữa chỗ đi tiểu	a) Phòng họp: có 01 phòng, trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định hiện hành; sử dụng làm nơi sinh hoạt chung và làm việc của giáo viên ngoài giờ dạy; b) Phòng Y tế trường học: có 01 phòng; có tủ thuốc với các loại thuốc thiết yếu, dụng cụ sơ cứu, giường bệnh; c) Nhà kho: Có 01 kho; nơi để dụng cụ chung và học phẩm của trường; d) Khu để xe học sinh: có mái che; bố trí khu vực để xe cho học sinh; e) Khu vệ sinh học sinh: bố trí theo các khối phòng chức năng, phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt, bảo đảm cho học sinh khuyết tật tiếp cận sử dụng; số lượng thiết bị: đối với nam 01 tiểu nam, 01 xí và 01 chậu rửa cho 44 học sinh có tường/vách ngăn giữa chỗ đi tiểu và xí; đối với nữ 01 xí và 01 chậu rửa cho 44 học sinh. Trường hợp khu vệ sinh riêng biệt cần đặt ở vị trí thuận tiện cho sử dụng, không

Hạng mục	Số lượng	Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định
	và xí; đối với nữ 01 xí và 01 chậu rửa cho 20 học sinh. Trường hợp khu vệ sinh riêng biệt cần đặt ở vị trí thuận tiện cho sử dụng, không làm ảnh hưởng môi trường; Cổng, hàng rào: khuôn viên của trường, điểm trường phải ngăn cách với bên ngoài bằng hàng rào bảo vệ (tường xây hoặc hàng rào cây xanh), bảo đảm vững chắc, an toàn. Cổng trường, điểm trường phải kiên cố, vững chắc để gắn cổng và biển tên trường.	làm ảnh hưởng môi trường; Cổng, hàng rào: khuôn viên của trường, điểm trường có ngăn cách với bên ngoài bằng hàng rào bảo vệ (tường xây hoặc hàng rào cây xanh), bảo đảm vững chắc, an toàn. Cổng trường, điểm trường phải kiên cố, vững chắc để gắn cổng và biển tên trường.
Khu sân chơi, thể dục thể thao	a) Có một sân chung của nhà trường để tổ chức các hoạt động của toàn trường; sân phải bằng phẳng, có cây xanh bóng mát; b) Sân thể dục thể thao bảo đảm an toàn và có dụng cụ, thiết bị vận động cho học sinh.	a) Có một sân chung của nhà trường để tổ chức các hoạt động của toàn trường; sân trường chưa đảm bảo bằng phẳng, có cây xanh bóng mát; b) Không có sân thể dục thể thao.
Khối phục vụ sinh hoạt	a) Nhà bếp (đối với trường có tổ chức nấu ăn): độc lập với khối phòng học tập và hỗ trợ học tập; dây chuyền hoạt động một chiều, hợp vệ sinh; b) Kho bếp (đối với trường có tổ chức nấu ăn): phân chia riêng biệt kho lương thực và kho thực phẩm; có lối nhập, xuất hàng thuận tiện, độc lập và phân chia khu vực cho từng loại thực phẩm; có thiết bị bảo quản thực phẩm; c) Nhà ăn (đối với trường có tổ chức nội trú): trang bị đầy đủ các thiết bị; bảo đảm phục vụ cho học sinh; d) Nhà ở nội trú (đối với trường	a) Nhà bếp: độc lập với khối phòng học tập và hỗ trợ học tập; dây chuyền hoạt động một chiều, hợp vệ sinh; b) Kho bếp: phân chia riêng biệt kho lương thực và kho thực phẩm; có lối nhập, xuất hàng thuận tiện, độc lập và phân chia khu vực cho từng loại thực phẩm; có thiết bị bảo quản thực phẩm; c) Nhà ăn: Có 02 nhà ăn được trang bị đầy đủ các thiết bị; bảo đảm phục vụ cho hơn 700 học sinh ăn bán trú.

Hạng mục	Số lượng	Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định
	có tổ chức nội trú): bố trí đủ phòng ngủ cho học sinh, có khu vệ sinh và nhà tắm; phân khu riêng cho nam và nữ; trang bị đầy đủ các thiết bị;	d) Nhà ở nội trú: không có
Hạ tầng kỹ thuật	a) Hệ thống cấp nước sạch: đáp ứng nhu cầu sử dụng, bảo đảm các quy định và tiêu chuẩn chất lượng nước theo quy định hiện hành; hệ thống thoát nước, cống thu gom kết hợp rãnh có nắp đậy và hệ thống xử lý nước thải bảo đảm chất lượng nước thải theo quy định trước khi thải ra môi trường; b) Hệ thống cấp điện: bảo đảm đủ công suất và an toàn phục vụ hoạt động của trường; c) Hệ thống phòng cháy, chữa cháy: bảo đảm theo các quy định hiện hành; d) Hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc: điện thoại; kết nối mạng internet phục vụ các hoạt động của trường; đ) Khu thu gom rác thải: bố trí độc lập, cách xa các khối phòng chức năng, ở cuối hướng gió; có lối ra vào riêng, thuận lợi cho việc thu gom, vận chuyển rác; có hệ thống thoát nước riêng, không ảnh hưởng đến môi trường.	a) Hệ thống cấp nước sạch: đáp ứng nhu cầu sử dụng, bảo đảm các quy định và tiêu chuẩn chất lượng nước theo quy định hiện hành; hệ thống thoát nước, cống thu gom kết hợp rãnh có nắp đậy và hệ thống xử lý nước thải bảo đảm chất lượng nước thải theo quy định trước khi thải ra môi trường; b) Hệ thống cấp điện: bảo đảm đủ công suất và an toàn phục vụ hoạt động của trường; có trạm biến áp riêng. c) Có hệ thống phòng cháy, chữa cháy: bảo đảm theo các quy định hiện hành; d) Hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc: có điện thoại; có kết nối mạng internet phục vụ các hoạt động của trường; đ) Khu thu gom rác thải: bố trí độc lập, cách xa các khối phòng chức năng, ở cuối hướng gió; có lối ra vào riêng, thuận lợi cho việc thu gom, vận chuyển rác; có hệ thống thoát nước riêng, không ảnh hưởng đến môi trường.

c) Số thiết bị dạy học hiện có theo Chương trình GDPT 2018 được cấp phát; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định:

Danh mục	Số lượng	Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định
Thiết bị dạy học lớp 1	165 bộ	Đủ (Kết hợp sử dụng Kho học liệu số)
Thiết bị dạy học lớp 2	186 bộ	Đủ (Kết hợp sử dụng Kho học liệu số)
Thiết bị dạy học lớp 3	169 bộ	Đủ (Kết hợp sử dụng Kho học liệu số)
Thiết bị dạy học lớp 4	233 bộ	Đủ (Kết hợp sử dụng Kho học liệu số)
Thiết bị dạy học lớp 5	252 bộ	Đủ (Kết hợp sử dụng Kho học liệu số)

d) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA SỬ DỤNG TRONG NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2024-2025

1. Lớp 1

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
1	Tiếng Việt 1	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Ngân Hoa, Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Vũ Kim Bảng, Trịnh cảm Lan, Chu Thị Phương, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hảo Tâm.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
2	Toán 1	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Bùi Bá Mạnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
3	Tự nhiên và Xã hội 1	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thảo (Chủ biên), Đào Thị Hồng, Phương Hà Lan, Hoàng Quý Tĩnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống

4	Đạo đức 1	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Lê Thị Tuyết Mai, Lục Thị Nga.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
5	Hoạt động trải nghiệm 1	Bùi Sỹ Tụng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thanh Bình (Chủ biên), Vũ Thị Lan Anh, Lê Thị Luận, Trần Thị Thu.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
6	Giáo dục Thể chất 1	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Lê Anh Thơ (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thu, Phạm Mai Vương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
7	Âm nhạc 1	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Đặng Khánh Nhật, Nguyễn Thị Thanh Vân.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
8	Mĩ thuật 1	Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Thị Nhung (đồng Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Trần Thị Hương Ly, Hà Thị Quỳnh Nga, Phạm Văn Thuận, Nguyễn Thị Tuệ Thu.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Vì sự bình đẳng và dân chủ trong giáo dục
9	Tiếng Anh 1	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Quốc Tuấn (Chủ biên), Nguyễn Thị Lan Anh, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Nguyễn Bích Thủy, Lương Quỳnh Trang.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	

Danh sách này có 09 bản sách./.

2. Lớp 2

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
1	Tiếng Việt 2	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Bùi Mạnh Hùng - Trần Thị Hiền Lương (Đồng chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Trịnh Cẩm Lan, Vũ Thị Lan, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Chu Thị Phương, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hảo Tâm.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
2	Toán 2	Hà Huy Khoái (Tổng chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Bùi Bá Mạnh	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
3	Đạo Đức 2	Nguyễn Thị Toan (Tổng chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Lê Thị Tuyết Mai.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
4	Tự nhiên và xã hội 2	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thấn (Chủ biên), Đào Thị Hồng, Phương Hà Lan, Phạm Việt Quỳnh, Hoàng Quý Tinh.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
5	Giáo dục Thể chất 2	Nguyễn Duy Quyết, Hồ Đắc Sơn (đồng Tổng Chủ biên), Lê Anh Thơ (Chủ biên), Nguyễn Thị Hà, Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Nguyễn Thành Trung, Nguyễn Duy Tuyền, Phạm Mai Vương.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
6	Hoạt động trải nghiệm 2	Lưu Thu Thủy, Bùi Sỹ Tụng (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh, Nguyễn Thanh Bình (đồng Chủ biên), Vũ Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Lê Thị Luận, Trần Thị Tố Oanh, Trần Thị Thu.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
7	Âm nhạc 2	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga, Đặng Khánh Nhật, Trần Thị Kim Thăng, Nguyễn Thị Thanh Vân.	NXB Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
8	Mỹ thuật 2	Nguyễn Xuân Tiên, Nguyễn Thị Nhung (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường, Hoàng Minh Phúc (đồng Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Vũ Đức Long, Nguyễn Ánh Phương Nam, Lâm Yến Như, Phạm Văn Thuận, Đàm Thị Hải Uyên, Trần Thị Vân.	NXB Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
9	Tiếng Anh 2	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Lương Quỳnh Trang (Chủ biên), Nguyễn Thị Lan Anh, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Nguyễn Bích Thủy, Nguyễn Quốc Tuấn.	NXB Giáo dục Việt Nam	

Danh sách này có 09 bản sách./.

3. Lớp 3

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
1	Tiếng Việt 3	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Trần Kim Phượng.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
		Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Lê Hằng, Vũ Thị Lan, Đặng Thị Hảo Tâm.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
2	Toán 3	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
3	Đạo đức 3	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Nguyễn	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
		Thị Việt Hà.		
4	Tự nhiên và Xã hội 3	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thân (Chủ biên), Phan Thanh Hà, Đào Thị Hồng, Nguyễn Hồng Liên, Nguyễn Thị Thanh Thủy.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
5	Tin học 3	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Bá Tuấn, Hà Đặng Cao Tùng, Đặng Bích Việt.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
6	Công nghệ 3	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Lê Xuân Quang, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trinh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
7	Giáo dục Thể chất 3	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hồng Dương (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
8	Hoạt động trải nghiệm 3	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
9	Âm nhạc 3	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Nga, Đặng Khánh Nhật.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
10	Mĩ thuật 3	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Hồng Ngọc (đồng Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Nguyễn Ánh Phương Nam, Võ Thị Nguyên, Phạm Văn Thuận.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
11	Tiếng Anh 3 (Global Success)	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Phan Hà (Chủ biên), Nguyễn Thị Hải Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Quốc Tuấn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống

Danh sách này có 11 bản sách./.

4. Lớp 4

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
1	Tiếng Việt 4	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
		Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phụng, Đặng Thị Hào Tâm. Nguyễn Thị Ly Kha, Trịnh Cam Ly (đồng Chủ biên),	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
2	Toán 4	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Bùi Bá Mạnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
3	Đạo đức 4	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Nguyễn Thị Việt Hà.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
4	LS-ĐL4	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỹ (Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử), Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần Lịch sử), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương, Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương, Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần Địa lí), Đặng Tiên Dung, Đoàn Thị Thanh Phương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
5	Khoa học 4	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phan Thanh Hà (đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Chi, Ngô Diệu Nga, Đào Thị Sen, Triệu Anh Trung.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
6	Tin học 4	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Bá Tuấn, Hà Đặng Cao Tùng, Đặng Bách Việt.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
7	Công nghệ 4	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Lê Xuân Quang, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trinh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
8	Giáo dục Thể chất 4	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hồng Dương (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
9	Hoạt động trải nghiệm 4	Lưu Thị Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
10	Âm nhạc 4	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
11	Mĩ thuật 4	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường (Chủ biên), Lương	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
		Thanh Khiết, Nguyễn Ánh Phương Nam, Phạm Văn Thuận.	Nam	tạo
12	Tiếng Anh 4 (Global Success)	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Quốc Tuấn (Chủ biên), Phan Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Minh Tuấn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	

Danh sách này có 12 bản sách./.

5. Lớp 5

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
1	Tiếng Việt 5	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phụng	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
		Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Đặng Thị Hảo Tâm.		Kết nối tri thức với cuộc sống
2	Toán 5	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
3	Đạo đức 5	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
4	Lịch sử và Địa lí 5	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỳ (Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử), Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần Lịch sử), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương; Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần Địa lí), Đặng Tiên Dung, Dương Thị Oanh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
5	Khoa học 5	Vũ Văn Hùng (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Phan Thanh Hà (đồng Chủ biên), Hà Thị Lan Hương, Nguyễn Thị Hồng Liên, Ngô Diệu Nga, Nguyễn Thị Thanh Phúc, Đào Thị Sen.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
6	Tin học 5	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Hải Châu, Hà Đăng Cao Tùng.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
7	Công nghệ 5	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trinh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
8	Giáo dục Thể chất 5	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng (Chủ biên), Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
9	Hoạt động trải nghiệm 5	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
10	Âm nhạc 5	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
11	Mĩ thuật 5	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường (Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Nguyễn Ánh Phương Nam, Phạm Văn Thuận.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
12	Tiếng Anh 5 (Global Success)	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Trần Hương Quỳnh (Chủ biên), Phan Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Nguyễn Minh Tuấn, Nguyễn Quốc Tuấn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	

Danh sách này có 12 bản sách./.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC⁵

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá: Nhà trường có Báo cáo kết quả tự đánh giá cuối mỗi năm học và có kế hoạch cải tiến sau tự đánh giá. Kết quả: Tự đánh giá đạt Mức độ 3.

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm:

STT	Năm công nhận	Quyết định	Mức độ	Ghi chú
1	2012	Quyết định số 26/QĐ-UBND ngày 15/5/2012 của UBND TP Hải Phòng	Đạt Kiểm định chất lượng giáo dục	
2	2014	Quyết định số 3066/QĐ-CT ngày 31/12/2014 của UBND thành phố Hải Phòng	Trường Chuẩn Quốc gia Mức I	

Năm 2025 nhà trường tiếp tục thực hiện việc đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC⁶

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học:

a) Kế hoạch tuyển sinh của cơ sở giáo dục, trong đó thể hiện rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan;

- Kế hoạch số 14/KH-THLVT ngày 18/6/2025

- Thông báo tuyển sinh số 03/TB-THLVT ngày 09/06/2025

b) Kế hoạch giáo dục của nhà trường: Kế hoạch số 52/KH-THLVT ngày 29/8/2024 đã được Phòng GD&ĐT quận phê duyệt.

c) Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh.

d) Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục;

e) Thực đơn hàng ngày của học sinh.

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước (năm học 2024-2025):

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường:

- Học sinh lớp 1 tuyển mới: 163 em.

Khối	Số lớp	Học sinh					Tỉ lệ HS/lớp	Số HS học 2 buổi/ngày		Số HS bán trú	
		Số HS	Nữ	Dân tộc	Khuyết tật	HS có hoàn cảnh khó khăn		Số HS	%	Số HS	%
1	04	165	72	0	4	4	41	165	100	132	80
2	05	186	88	0	1	8	37	186	100	149	80
3	05	169	84	1	6	12	33.8	169	100	132	78
4	06	233	121	0	0	2	38.8	233	100	165	70
5	07	252	119	2	1	8	36	252	100	146	58
Tổng	27	1005	484	3	12	34		1005	100	724	72

- Học sinh chuyển đi: 22 em

- Học sinh chuyển đến: 17 em

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ GD&ĐT (năm học 2024-2025):

1. Hoàn thành chương trình lớp học, hoàn thành chương trình tiểu học

Toàn trường có 1002 /1005 học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 99,7%; Số học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình tiểu học 252/252 học sinh, đạt 100%

2. Kết quả khen thưởng các nội dung học tập và rèn luyện

- Lớp 1,2,3,4,5

+ Học sinh hoàn thành Xuất sắc: 731/995 học sinh (đạt 73.5%)

+ Học sinh hoàn thành tốt: 160/995 học sinh (đạt 16%)

+ Học sinh hoàn thành: 97/995 học sinh (đạt 9.7 %)

+ Học sinh chưa hoàn thành: 7/995 học sinh (đạt 0.8%)

- Lớp 5

+ Học sinh hoàn thành Tiểu học: 252/252 học sinh (đạt 100%).

- Đoàn Thanh niên CSHCM phường Trại Cau đã kí quyết định Công nhận 850 học sinh đạt danh hiệu cháu ngoan Bác Hồ (đạt 84.5%).

3. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng học sinh đang học (chia theo số lượng học sinh là người Việt Nam, số lượng học sinh là người nước ngoài): Không.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH ⁷

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Dự toán được giao ngân sách trong năm 2024

* Ngân sách cấp: 13.566.283.202đ

* Chi ngân sách: 13.566.283.202đ

- Chi tiền lương và thu nhập: 7.743.428.442đ

- Chi cơ sở vật chất và dịch vụ: 968.730.199đ

- Chi hỗ trợ người học: 8.100.000đ

- Chi khác: 4.846.024.561đ

TT	Nội dung	Tồn ĐK	Số thu	Số chi	Tồn quỹ
	Tổng cộng	175.101.033	10.969.348.539	10.683.896.403	460.553.169
1	Chăm sóc SKBD	3.362.101	53.742.938	24.387.139	32.717.900
2	Bảo hiểm y tế		872.369.190	872.369.190	
3	Quản lý học sinh ngoài giờ chính khóa	17.132.500	2.136.920.000	2.154.052.500	0
4	Kỹ năng sống	5.002.465	441.408.000	422 108 166	24.302.299
5	Tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài	9.611.600	1.548.960.000	1.523.697.560	34.874.040
6	TA GV người Việt Nam	1.517.360	280.320.000	271.663.839	10.173.521
7	Tin học	4.078.800	120.824.000	119.462.882	5.439.918
8	Toán tư duy	1.857.840	19.920.000	21 777 840	
9	Tiếng Nhật	29.440		29.440	
10	Khuyến học	53.988.677	0	16.451.000	37.537.677
11	Phí KBNN	289.816	1.399.911	728.543	961.184
12	Nước uống học sinh	1.951.200	88.765.000	90.716.200	0
13	Đội nộp về Quận đoàn	0	36.050.000	36.050.000	0
14	Chăm nuôi bán trú	12.060.000	1.164.300.000	1.176.360.000	0
15	Mua trang thiết bị phục vụ bán trú	17.053.000	186.232.000	191.310.000	11.975.000
16	Tiền ăn và chất đốt bán trú	15.925.717	3.719.850.000	3.458.135.113	277.640.604
17	Hỗ trợ CSVC, điện, nước học 2 buổi/ngày	22.083.512	290.407.500	287.559.986	24.931.026

Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển.

STT	Tên các khoản thu	Mức quy định theo NQ 08/2023/NQ-HĐND	Mức thỏa thuận
I	Các khoản thu quy định mức trần:		
1	Quản lý trẻ/học sinh ngoài giờ hành chính (đầu giờ học và sau khi kết thúc buổi học)	10.000/giờ	
2	Phục vụ ăn bán trú	30.000/ngày	
3	Phục vụ hoạt động bán trú cho cá nhân học sinh (đối với trẻ mới tuyển hoặc lần đầu)	360.000/năm	
4	Phục vụ hoạt động bán trú cho cá nhân học sinh (các năm tiếp theo)	200.000/năm	
5	Hỗ trợ người nấu ăn; phục vụ chăm ăn, trông trưa, quản lý và vệ sinh bán trú	150.000/tháng	
6	Dịch vụ hỗ trợ cho hoạt động giáo dục dạy học 2 buổi/ngày	30.000/tháng	
7	Dịch vụ phục vụ nước uống cho học sinh	10.000/tháng	
II	Các khoản thu không quy định mức trần:		
1	Tiền học tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài		160.000/tháng
2	Tiền học tiếng Anh giáo viên người Việt Nam		80.000/tháng
3	Tiền học kỹ năng sống		96.000/tháng
4	Tiền học tin học		48.000/tháng
III	Thu Khác		
1	Bảo hiểm y tế	884.520/12 tháng	
2	Quỹ Vòng tay bè bạn	35.000/năm	

2. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

3. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù

Tồn quỹ năm 2024: **460.553.169đ**

Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC⁸

1. Tập thể

- Nhà trường được UNBD thành phố công nhận là Tập thể Lao động xuất sắc.

- Chi bộ đạt thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

2. Kết quả thực hiện công tác Công đoàn

- Đạt danh hiệu Công đoàn cơ sở xuất sắc.

- Nhận Giấy khen của LĐLĐ quận.

3. Chuyên môn

3.1. Kết quả tham gia các cuộc giao lưu của học sinh

Học sinh nhà trường đã tích cực tham gia các kì giao lưu, kì thi do ngành phối hợp.

+ Cấp Quốc gia: 24 giải: 03 Huy chương vàng(Toán Timor, Toán SMO, HKIMO); 06 Huy chương bạc (01 giải Toán Olympic, 02 giải Toán Samo, 02 Toán Timor, 01 Toán Châu Á); 06 Huy chương đồng (04 Toán Timor, 01 võ Taekwondo, 01 võ Karate); 01 giải Khuyến khích, triển vọng vẽ tranh trường học hạnh phúc, 01 giải Toán SASMO; 07 Giấy chứng nhận HS dự thi IOE.

+ Cấp Thành phố: 25 giải: 06 Giải Nhất (02 giải Dẫn chương trình, 01 giải Sơn ca, 01 giải Múa nghệ thuật, 01 giải Piano, 01 giải khiêu vũ); 06 Giải Nhì (01giải Sơn ca, 01 giải múa, 02 giải Vioedu, 02 giải bơi); 04 Giải Ba (01 giải Aerobic, 01 võ thuật cổ truyền, 01 giải Vioedu, 01 giải IOE); 09 giải Khuyến khích (06 giải Vioedu, 01giải vẽ tranh, 02 giải IOE).

+ Cấp quận: 02 giải: 01 giải Nhì Sơn ca, 01 giải Ba Sơn Ca.

+ Cấp trường: 11 giải về các môn: IOE, Vioedu, thi sáng tác truyện tranh.

3.2. Kết quả tham gia các cuộc giao lưu của GV

- Cán bộ, giáo viên có những sáng kiến tốt ứng dụng vào thực tiễn trong công tác quản lý, giảng dạy. Năm học 2024-2025 có 11 sáng kiến của 20 tác giả được công nhận sáng kiến cấp quận; trong đó có 01 sáng kiến gửi đi cấp thành phố.

11 giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi cấp trường, 08 giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp quận. 01 nhóm giáo viên có sản phẩm đạt giải Ba trong Ngày hội sáng tạo thiết bị dạy học số do Quận Lê Chân tổ chức.

- Học kỳ II năm học 2024- 2025, hai giáo viên dạy Tiếng Anh tham gia dạy trực tuyến với trường Pá Hu huyện Trầm Tâu tỉnh Yên Bái. Cô giáo Trần Thị Hậu tham gia đoàn công tác của Sở Giáo dục đến thăm và tặng quà cho các trường tại huyện Trầm Tâu.

- Tham gia các lớp tập huấn về đổi mới Chương trình GDPT 2018 đối với lớp 1,2, 3,4,5. Đội ngũ giáo viên có sự thay đổi tích cực, năng động và sáng tạo hơn trong công tác giảng dạy để phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường; thực hiện có hiệu quả đáp ứng Chương trình GDPT 2018.

- Giáo viên chú trọng công tác bồi dưỡng học sinh tham gia các cuộc thi giao lưu do cấp trên tổ chức: Vẽ tranh theo các chủ đề, cây đàn tuổi thơ, dẫn chương trình, thuyết trình Tiếng Anh...

4. Kết quả thực hiện công tác Đội TNTP Hồ Chí Minh

- Đạt danh hiệu Liên đội vững mạnh.

5. Kết quả thực hiện công tác Đoàn TNCS Hồ Chí Minh

- Nhận Giấy khen của Quận đoàn Lê Chân.

Nơi nhận:

- Phòng GDĐT Lê Chân (để b/c);
- Tổ Công khai;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Minh Khoa